

Bản án số: 22/2020/HS-ST

Ngày: 08-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị A.

Ông Vũ Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Phan Trần Vĩnh Phúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19.1/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H; sinh năm: 1974 tại Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đường B, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B (chết) và bà: Nguyễn Thị B (chết); có vợ: Lê Thị C (chết) và 01 con sinh năm 1993; tiền án: 07 (ngày 03/6/1992 bị Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” theo Bản án số 119/HSST, ngày 19/3/1996 bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” theo Bản án số 71/HSST, ngày 07/12/1998 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo Bản án số 2539/HSST, ngày 20/5/2003 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 823/HSST, ngày 06/12/2011 bị Tòa án nhân dân quận Tân

Bình xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 371/HSST, ngày 07/7/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 140/HSST, ngày 06/4/2018 bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 27/HSST); tiền sự: Không; nhân thân: Không tốt; bị bắt giữ ngày: 16/11/2019.

(Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

Bà Trịnh Thị Diệu H – Sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, Phường I, quận V, TP.HCM.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Ông Nguyễn Đức P – Sinh năm: 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

2/Bà Trần Thị Tuyết M – Sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, Phường T, Quận T, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 45 phút ngày 16/11/2019, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Click biển số 61L1-4242 lưu thông trên đường 3 Tháng 2. Lúc này, H nhìn thấy anh Nguyễn Văn T chở chị Trịnh Thị Diệu H, chị H để lộ chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 4S ở chiếc balo đang đeo; H nảy sinh ý định chiếm đoạt; khi đến trước nhà số 231 đường 3 Tháng 2, Phường 10, Quận 10, H áp sát và lén lút dùng tay phải móc lấy điện thoại di động hiệu Iphone 4S của chị H. Sau khi lấy được điện thoại, H điều khiển xe bỏ chạy thì bị trình sát Đội 3 - Phòng PC02 Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện và bắt giữ cùng vật chứng giải giao cho Công an Phường 10, Quận 10. Công an Phường 10, Quận 10 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Tài sản bị chiếm đoạt là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4S, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho chị Trịnh Thị Diệu H, chị H không yêu cầu gì khác. Tại Kết luận định giá tài sản số 1032/KL-ĐGTS ngày 29/11/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 10 kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 4S có trị giá 500.000 đồng.

Căn cứ vào nhân thân của Nguyễn Văn H, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố, điều tra đối với Nguyễn Văn H về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Riêng đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Click biển số 61L1- 4242, số khung: RLHJF1301, số máy: JF18E-0088669. Kết quả xác minh đứng tên giấy đăng ký xe là ông Nguyễn Đức P. Tháng 10/2019, ông P bán xe trên cho chị Trần Thị Tuyết M (có làm hợp đồng công chứng nhưng chưa sang tên). Ngày 16/11/2019, chị M cho H mượn xe để đi sửa điện thoại di động cho chị. H sử dụng xe trên thực hiện hành vi phạm tội, chị M không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả xe cho chị M.

Tại Cáo trạng truy tố số 23/CT-VKS ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Nguyễn Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, sau khi nêu lên những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm) và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại) của bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, phạt bổ sung đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình; qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được, bản kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định đã có hành vi lén lút, lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản, mặc dù tài sản chiếm đoạt trị giá 500.000 đồng, nhưng do trước đó bị cáo đã nhiều lần bị kết án về các tội chiếm đoạt tài sản (ngày 03/6/1992 bị Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 09 tháng tù về tội “Cướp giết tài sản của công dân” theo bản án số 19/HSST, ngày 19/3/1996 bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giết tài sản của công dân” theo bản án số 71/HSST, ngày 07/12/1998 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo bản án số 2539/HSST, ngày 06/12/2011 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 371/HSST, ngày 07/7/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 140/HSST, ngày 06/4/2018 bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 27/HSST), chưa được xóa án tích, nay lại phạm pháp, nên lần này bị cáo bị kết tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm

2017). Do các tiền án này là tình tiết dùng để định tội đối với bị cáo, nên không xem xét là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nữa.

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình sự với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa P; ngoài ra căn cứ vào khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) phạt bổ sung bị cáo một số tiền để nộp ngân sách Nhà nước.

Về tình tiết tăng nặng: Ngày 20/5/2003 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp thực hiện hành vi tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); do vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo (nhưng chưa thật sự ăn năn hối cải), phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Không có gì để Tòa giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào điểm b khoản 1, 5 Điều 173; khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Văn H;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2019.

Phạt bổ sung bị cáo H 5.000.000 (năm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

Bị cáo H chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (2)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (4)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triệu Luật